HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2018/NQ-HĐND	*Cao Bằng, ngày 12 tháng 7 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 1757/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2020.

1. Sửa đổi Điểm b Mục1, gạch đầu dòng thứ 2 như sau:

"- Tiểu dự án 2. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các xóm đặc biệt khó khăn (kinh phí sự nghiệp).

Căn cứ đối tượng được hỗ trợ (hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo) của các huyện, thành phố theo quy định tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; căn cứ mức chi hỗ trợ quy định tại Điểm 1 khoản III Điều 1 Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI; căn cứ nguồn vốn Trung ương cân đối hằng năm và cả giai đoạn 2016 - 2020, các văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương để giao chỉ tiêu vốn cho các đơn vị triển khai thực hiện.

Riêng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP, căn cứ đối tượng được hưởng và mức vốn được giao thực hiện Tiểu dự án 3 (thuộc Chương trình 30a) để bổ sung chỉ tiêu vốn cho các huyện nghèo".

2. Sửa đổi Điểm c Mục 1 như sau:

"c) Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

Căn cứ đối tượng được hỗ trợ, nguồn vốn Trung ương cân đối hằng năm và cả giai đoạn 2016 - 2020, mức chi hỗ trợ quy định tại Điểm 1 khoản III Điều 1 Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI và các văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương để giao chỉ tiêu vốn cho các đơn vị triển khai thực hiện".

3. Sửa đổi Điểm b Mục 4, nội dung đối với các xã còn lại như sau:

"* Đối với các xã còn lại

Ngân sách nhà nước hỗ trợ từng nội dung cụ thể, phần còn lại huy động từ các tổ chức kinh tế, nhân dân đóng góp, huy động khác và được phân thành 2 loại mức hỗ trợ như sau:

(1) Đối với các xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK) vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020 tại Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ; các thôn, xóm ĐBKK thuộc các xã, phường, thị trấn, (khu vực I, II) tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ:

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư xây dựng đối với các công trình: Trụ sở xã; Trạm y tế xã; cải tạo, mở rộng, nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn (trừ đường dây sau công tơ đo đếm do nhân dân tự đầu tư);

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 95% tổng mức đầu tư xây dựng đối với các công trình: cơ sở vật chất trường học; đường trục xã, liên xã, đường trục xóm, ngõ xóm, đường nội đồng; hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương do xã quản lý, kênh mương nội đồng; xây dựng sân thể thao, nhà văn hóa xã; công trình cấp nước sinh hoạt tập trung; xây dựng công trình thoát nước thải khu dân cư; cải tạo nghĩa trang nhân dân, cảnh quan môi trường nông thôn;

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư xây dựng đối với các công trình: nhà văn hóa thôn, xóm; công trình cấp nước phân tán; hoàn thiện, xây mới hệ thống chợ, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản, phát triển sản xuất và dịch vụ; trung tâm bán hàng hiện đại ở cấp xã; hợp tác xã.

(2) Đối với các xã khu vực I, II tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ:

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư xây dựng đối với các công trình: Trụ sở xã; trạm y tế xã; cải tạo, mở rộng, nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn (trừ đường dây sau công tơ đo đếm do nhân dân tự đầu tư);

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư xây dựng đối với các công trình: cơ sở vật chất trường học; đường trục xã, liên xã, đường trục xóm, ngõ xóm, đường nội đồng; hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương do xã quản lý, kênh mương nội đồng; xây dựng sân thể thao, nhà văn hóa xã; công trình cấp nước sinh hoạt tập trung; xây dựng công trình thoát nước thải khu dân cư; cải tạo nghĩa trang nhân dân, cảnh quan môi trường nông thôn;

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 80% tổng mức đầu tư xây dựng đối với các công trình: nhà văn hóa thôn, xóm; công trình cấp nước phân tán; hoàn thiện, xây mới hệ thống chợ, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản, phát triển sản xuất và dịch vụ; trung tâm bán hàng hiện đại ở cấp xã; hợp tác xã.

4. Bổ sung Mục 6. Quy định loại phương tiện, hình thức và mức hỗ trợ nghe, xem thuộc Dự án 4 - Truyền thông và giảm nghèo về thông tin - Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

"- Radio có khả năng thu, nghe các chương trình phát thanh phù hợp với quy hoạch truyền dẫn phát sóng quốc gia: mức hỗ trợ tối đa: 1.200.000 đồng/bộ thiết bị/hộ;

- Ti vi màu có khả năng thu, xem các chương trình truyền hình số mặt đất và đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị thu truyền hình số mặt đất và đầu thu tín hiệu truyền hình vệ tinh (Đối với khu vực chưa có sóng truyền hình mặt đất): mức hỗ trợ tối đa: 5.500.000 đồng/bộ thiết bị/hộ;

- Hình thức hỗ trợ: tổ chức mua sắm tập trung và bàn giao phương tiện cho đối tượng hộ nghèo ở xóm và xã ĐBKK.

* Trường hợp phát sinh nhu cầu hỗ trợ các nội dung khác chưa nêu tại mục 6 mà phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước và thuộc đối tượng hỗ trợ của Dự án 4 theo quy định thì Uỷ ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về nội dung, hình thức, mức hỗ trợ và báo cáo kết quả đến Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất".

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng và các tổ chức thành viên giám sát và vận động mọi tầng lớp nhân dân thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Cao Bằng;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng điều phối NTM tỉnh;
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Đàm Văn Eng